

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 02-CTr/HU của Huyện ủy Tuy Phước về xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 – 2015;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới năm 2011 – 2015, năm 2016-2020 và sau năm 2020 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 19-KH/HU ngày 26/12/2011 của Huyện Ủy huyện Tuy Phước về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU của Tỉnh ủy Bình Định về “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến 2020” trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-UBND, ngày 12/01/2012 của UBND huyện Tuy Phước về việc ban hành Kế hoạch “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến 2020” trên địa bàn huyện;

Căn cứ Chương trình hành động số: 02-CTr/HU ngày 06/6/2016 của Huyện Ủy Tuy Phước về Xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tại Tờ trình số/TTr-PNN, ngày tháng năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số: 02-CTr/HU ngày 06/6/2016 của Huyện Ủy Tuy Phước về Xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới huyện, chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới huyện, Thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng huyện, Thủ trưởng các ban, ngành, các hội, đoàn thể thuộc huyện, Chủ tịch UBND các xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- BCĐ xây dựng NTM tỉnh (b/c);
- Văn phòng Điều phối tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND&UBND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện, các Hội, đoàn thể;
- Thành viên BCĐ XD NTM huyện;
- UBND các xã:
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Thuận

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động số 02-CTr/HU của Huyện ủy
Tuy Phước về xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện
nông thôn mới giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2016
của UBND huyện Tuy Phước)*

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Chương trình hành động số: 02-CTr/HU ngày 06/6/2016 của Huyện Ủy Tuy Phước về Xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Sau khi rà soát 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và khả năng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình. UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động như sau:

Phần thứ I

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011-2015**

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XD NTM 2011-2015

Qua 5 năm thực hiện Chương trình, trong điều kiện kinh tế của huyện còn nhiều khó khăn, song cùng với nỗ lực, phấn đấu của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đặc biệt là vai trò đóng góp của cộng đồng dân cư nông thôn, Chương trình đã đạt được những kết quả:

1. Số xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 04 xã, bao gồm: 02 xã đăng ký hoàn thành giai đoạn 2011 - 2015 và 02 xã hoàn thành vượt kế hoạch thuộc giai đoạn 2016 - 2020 (chiếm 36,36%, tăng 04 xã so với năm 2010). Trong đó: xã Phước An đạt chuẩn xã nông thôn mới trong năm 2014; xã Phước Hưng, Phước Nghĩa và Phước Thành đạt chuẩn xã nông thôn mới trong năm 2015.

2. Các xã xây dựng nông thôn mới còn lại (07 xã)

- Số xã đạt từ 11 - 15 tiêu chí: 07 xã (chiếm 63,64%)

3. Mức thu nhập bình quân đầu người: đạt 32,1 triệu đồng/người/năm tăng 14,28 triệu đồng/người/năm so với năm 2010.

4. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình

a) Nguồn lực của nhà nước

* Tổng nguồn vốn thực hiện huy động lồng ghép các chương trình, dự án từ năm 2011-2015 cho công tác xây dựng cơ sở hạ tầng là **188.864** triệu đồng. Trong đó:

- Vốn của Trung ương là: **41.315** triệu đồng.
- Vốn của Tỉnh là: **41.078** triệu đồng.
- Vốn của Huyện là: **23.573** triệu đồng.
- Vốn của Xã là: **82.898** triệu đồng.

b) Nguồn lực đóng góp của Công ty, Doanh nghiệp, Hợp tác xã và Nhân dân từ năm 2011-2015

- Vốn đóng góp từ các công ty, doanh nghiệp, Hợp tác xã và nhân dân là: **9.053** triệu đồng. Trong đó: Huy động đóng góp từ nhân dân: 4.263 triệu đồng.

+ Đóng góp tiền: 1.418 triệu đồng.

+ Hiến đất: 47.634 m² (tương đương 2.845 triệu đồng)

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU THEO 9 TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Về lập và phê duyệt quy hoạch nông thôn mới

Về lập quy hoạch XD NTM: Đến cuối năm 2013, có 100% số xã được UBND huyện phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, đồng thời ngày 14/04/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 495/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó toàn bộ diện tích của huyện đều nằm trong quy hoạch xây dựng này, do đó tiêu chí này huyện đã đạt.

2. Về Tiêu chí Giao thông

- Hiện nay, đối với hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đã đảm bảo kết nối với các xã trên địa bàn huyện, trong 05 năm qua UBND các xã đã xây dựng 103 km bê tông hóa giao thông nông thôn, có 06/11 xã đã đạt tiêu chí số 2 – Giao thông (05 xã chưa đạt là Phước Sơn, Phước Hiệp, Phước Quang, Phước Thắng và Phước Thuận). Đến nay cơ bản đường trục xã, liên xã đạt chuẩn, đường trục thôn được cứng hóa, đường ngõ xóm không lầy lội vào mùa mưa.

- Về tỷ lệ km đường huyện đến nay đã được thảm nhựa 6/11,93 km đạt 50,29%, đồng thời tuyến đường ĐH42 đã được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là đường cấp 5 đồng bằng, nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m. Hiện nay tuyến đường ĐH42 đã lập dự án đầu tư (nâng cấp mở rộng để đạt quy hoạch) từ năm 2016-2020 từ nguồn vốn trung hạn với tổng mức đầu tư là 49 tỷ đồng.

Phấn đấu đến năm 2019, tỷ lệ đường huyện đạt là 100%.

3. Về Tiêu chí Thủy lợi

- Trong 05 năm 2011-2015, từ nguồn kinh phí hỗ trợ lồng ghép của các Chương trình, dự án, nguồn kinh phí đầu tư của huyện, nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, nguồn kinh phí của xã và HTX nông nghiệp, UBND các xã đã đầu tư kiên cố hoá kênh mương nội đồng trên 74,2 km, với tổng kinh phí thực hiện trên 120 tỷ đồng, đã góp phần phục vụ tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp các

địa phương trong vùng. Đến nay có 04/11 xã (Phước An, Phước Thành, Phước Nghĩa, Phước Hưng) đạt tiêu chí số 3 - Thủy lợi.

- Riêng về hệ thống thủy lợi trên địa bàn các xã đã được đồng bộ với hệ thống thủy lợi theo quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 v/v phê duyệt Quy hoạch thủy lợi tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Đánh giá chung: Tổng hệ thống kênh mương do các xã quản lý trên địa bàn huyện sau khi rà soát các tuyến kênh có quy mô tưới, tiêu từ 20ha trở lên là 175 km, đến năm 2015 đã kiên cố hóa là: 74,2 km, đạt 42,4%, để hoàn thành tiêu chí cần phải kiên cố hóa 48,5 km.

Phấn đấu đến năm 2019, huyện đạt về tiêu chí số 3 - Thủy lợi

4. Về Tiêu chí điện nông thôn: Từ năm 2011-2015, huyện đã được Dự án REII đầu tư xây dựng và hoàn thành đóng điện đưa vào sử dụng góp phần nâng cao hiệu quả năng lượng khu vực nông thôn. Đến nay có 11/11 xã đạt tiêu chí điện, hệ thống điện các xã, liên xã đã được xây dựng đồng bộ với hệ thống điện theo quy hoạch và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vì vậy tiêu chí này huyện đã đạt.

5. Về tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục

5.1. Về tiêu chí Y tế: Qua rà soát về Y tế đối với huyện tiêu chí này đã đạt, cụ thể:

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3.

- Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn quốc gia; Trong giai đoạn 2016-2020 Ngành y tế huyện tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới ngành y tế, đồng thời nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho cả bệnh viện huyện và Trạm Y tế xã. Tiếp tục duy trì 11/11 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

5.2. Về tiêu chí Văn hóa: Trong những năm qua, Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể thao huyện đã tập trung hướng dẫn, tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các lễ hội của địa phương, các hội thi, hội thao...sôi nổi, thiết thực phục vụ kịp thời các ngày lễ kỷ niệm và các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, của các ngành, đoàn thể liên quan đạt kết quả tốt. Bên cạnh những kết quả đạt được, Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể thao huyện còn gặp nhiều hạn chế, khó khăn, cụ thể:

- Chưa tổ chức đủ số lượng một số hoạt động văn hóa, thể thao theo chuẩn quy định.

- Sân vận động huyện chưa được xây dựng; một số trang thiết bị còn thiếu.

- Diện tích phòng làm việc các bộ phận chuyên môn của Trung tâm chưa đảm bảo.

* ***Phấn đấu đến năm 2018***, xây dựng Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể thao huyện đạt chuẩn theo Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/10/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.3. Về tiêu chí Giáo dục:

- Trong các năm qua quy mô trường, lớp tiếp tục được củng cố và phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập con em nhân dân trong huyện. Thực hiện hoàn thành Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên trong 05 năm qua tổng kinh phí trên 77,96 tỷ đồng. Cụ thể:

+ Xây dựng 185 phòng học (trong đó 128 phòng xây mới, 57 phòng sửa chữa), xây mới 07 nhà hiệu bộ môn trường mầm non, 08 phòng học bộ môn, 01 bếp một chiều trường mầm non huyện, đã đầu tư hơn 2,377 tỷ đồng cho trang thiết bị dạy học, máy tính và sách giáo khoa.

+ Đến năm 2015 thực hiện đạt chuẩn Quốc gia: Mầm non: 04/14 trường, đạt 28,7%; Tiểu học: 26/30 trường, đạt 86,7%; THCS: 13/14 trường, đạt 92,9%;

+ 100% các trường học đạt chuẩn “trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Đã hoàn thành chuyển 14/14 trường mầm non bán công sang hệ công lập năm 2014.

+ Đến nay có 6/11 xã (Phước An, P.Hung, P.Nghĩa, P.Thành, P.Hiệp và P.Thuận) đã đạt tiêu chí số 5 – Trường học. Trong thời gian đến tiếp tục đầu tư để đạt chuẩn Nông thôn mới về giáo dục ở các xã. Phần đầu đến cuối năm 2019 có 11/11 xã đạt về tiêu chí số 5 - Trường học.

- Riêng về tỷ lệ trường trung học phổ thông đạt chuẩn trên địa bàn huyện: Hiện nay trường THPT trên địa bàn huyện: có 01/05 trường, đạt 20%; Trong giai đoạn 2016-2018 tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các trường THPT Nguyễn Diêu, THPT số 2 và số 3 Tuy Phước đạt chuẩn.

Phần đầu đến cuối năm 2018 tỷ lệ trường trung học phổ thông đạt chuẩn trên địa bàn huyện đạt từ 60% trở lên.

6. Về tiêu chí sản xuất

Trên địa bàn huyện đã hình thành được vùng sản xuất lúa và nuôi tôm tập trung. Tổ chức sản xuất lúa theo cánh đồng mẫu lớn và thực hiện liên kết sản xuất lúa giống theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Năm 2015 đã thực hiện cánh đồng mẫu lớn ở 13 xã, thị trấn với diện tích gieo trồng 2.439 ha năng suất bình quân tăng hơn trong cùng điều kiện 4-5 tạ/ha, trong đó diện tích liên kết sản xuất giống 1.072 ha lợi nhuận tăng thêm trên 9 tỷ đồng.

**** Đánh giá chung: Đối với tiêu chí này huyện đã đạt.***

7. Về tiêu chí Môi trường

Hiện nay, 07 xã là Phước Sơn, Phước Lộc, Phước Hòa, Phước Quang, Phước Hiệp, Phước Thuận, Phước Thắng đều chưa đạt chuẩn Tiêu chí số 17 về môi trường trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Để 07/07 xã trên đạt chuẩn Tiêu chí số 17 về môi trường theo như kế hoạch của huyện giai đoạn 2016 – 2020, đồng thời để huyện đạt chuẩn Nông thôn mới cần đạt 02 tiêu chí đó là:

7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn:

**** Về xử lý bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật:***

Hiện nay, các xã đã xây dựng hệ thống bi đặt dọc theo các tuyến giao thông thủy lợi, đường nội đồng để thu gom chai lọ thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng. Việc thu gom, xử lý bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật là một trong những yêu tố quan trọng trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn. Tại một số địa phương, chính quyền đang phát động người dân xây các bể xử lý rác quy mô hộ gia đình với chi phí thấp. Đây là cách làm mới, tuy nhiên để đạt hiệu quả cao, người dân cần được hướng dẫn cụ thể để việc xử lý rác trong các bể chứa ít gây hại tới môi trường.

** Về quản lý rác thải sinh hoạt*

Trên cơ sở Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cộng đồng dân cư khu vực nông thôn trên địa bàn huyện Tuy Phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, hiện nay UBND các xã đang triển khai xây dựng kế hoạch và thành lập Ban chỉ đạo tổ chức thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cộng đồng dân cư trên địa bàn xã mình.

7.2. Về Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%: Qua kiểm tra, đánh giá hiện nay trên địa bàn huyện 90% cơ sở sản xuất – kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường (10% còn lại tuy có vi phạm nhưng đang khắc phục).

Phân đầu đến năm 2019, huyện đạt về tiêu chí số 17 - Môi trường.

8. Về Tiêu chí An ninh, trật tự xã hội

Đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thường xuyên nắm bắt kịp thời tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân ở các vùng nông thôn làm tốt công tác bảo vệ an ninh tổ quốc, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh nông thôn, xóm, tạo sự chuyển biến rõ nét về trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn. Kết quả đến nay có 100% số xã đạt chuẩn về tiêu chí “Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn”.

Đôi với tiêu chí này huyện đã đạt.

9. Về Tiêu chí chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010-2020; Để triển khai thực hiện Chương trình MTQG XD NTM trên địa bàn huyện đạt hiệu quả trong từng giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, đồng thời hàng năm đều được kiện toàn Ban chỉ đạo, Tổ công tác để tổ chức và hoạt động đúng quy định;

- Thực hiện Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối giúp Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp, ngày 17/11/2015 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5480/QĐ-UBND về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương

trình nông thôn mới huyện Tuy Phước giai đoạn 2015-2020, đồng thời ngày 29/4/2016 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1174/QĐ-UBND về việc Ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Phước giai đoạn 2015-2020 để tổ chức và hoạt động đúng quy định.

Đối với tiêu chí này huyện đã đạt.

Phần thứ II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên, môi trường sinh thái được bảo vệ.

- Sức mạnh của hệ thống chính trị được nâng cao, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn: Giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế xã.

- Nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân, thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt từ 45-50 triệu đồng, tỷ lệ hộ nghèo giảm 1 - 1,5%/năm theo chí mới, 80% người dân tham gia bảo hiểm y tế. Cùng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, người dân được hưởng lợi từ Chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2016

- Tiếp tục giữ vững và nâng cao mức đạt chuẩn của các tiêu chí đối với 04 xã đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện.

- Có thêm 02 xã mới là Phước Sơn, Phước Lộc đạt chuẩn nông thôn mới, (đạt tỷ lệ 54,54%) số xã đạt 19/19 tiêu chí trên địa bàn huyện.

2.2. Đến năm 2017

Có thêm 02 xã mới là Phước Hiệp và Phước Hòa đạt chuẩn nông thôn mới, (đạt tỷ lệ 72,72%) số xã đạt 19/19 tiêu chí trên địa bàn huyện.

2.3. Đến năm 2018

Phần đầu đến năm 2018, có 10/11 xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới, thêm 02 xã mới là: Phước Quang và Phước Thuận (đạt tỷ lệ 90,90%) số xã đạt 19/19 tiêu chí trên địa bàn huyện.

2.4. Đến năm 2019

Có 11/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới 19/19 tiêu chí (theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới), trong đó thêm 01 xã còn lại: Phước Thắng, (đạt tỷ lệ 100%) số xã đạt 19/19 tiêu chí trên địa bàn huyện và được Thủ tướng Chính phủ công nhận là huyện nông thôn mới.

2.5. Đến năm 2020

- Đối với 04 xã đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, tiếp tục giữ vững và nâng cao mức đạt chuẩn của các tiêu chí để được đánh giá, xét công nhận lại vào năm 2020.

- Đối với 07 xã về đích giai đoạn 2016-2020, tiếp tục giữ vững và nâng cao mức đạt chuẩn của các tiêu chí.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Đến năm 2019, phấn đấu trên địa bàn huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận là huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới. Cần tập trung triển khai các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tiêu chí 1 (Quy hoạch): Rà soát lại quy hoạch XD NTM của từng xã sát với sát với tình hình thực tế. Thực hiện công bố công khai quy hoạch và quản lý chặt chẽ quy hoạch đã được phê duyệt, rà soát, điều chỉnh quy hoạch của các xã về đích giai đoạn 2016-2020. Những xã có điều chỉnh quy hoạch sớm xây dựng quy chế quản lý, cấm mốc chỉ giới ngoài thực địa đảm bảo kịp thời gian về đích NTM của từng xã.

2. Tiêu chí 2 (Giao thông): Tập trung đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống đường giao thông trục xã, liên xã, đường trục thôn, xóm, đường ngõ xóm. Ưu tiên mở rộng mặt đường theo quy chuẩn của từng loại đường, đảm bảo tỷ lệ: Đường trục xã, liên xã được bê tông hóa 100%, đường trục thôn, ngõ xóm được cứng hóa 70%, đường nội đồng thấp nhất được rải cấp phối đảm bảo đi lại thuận lợi (*tiêu chí này 02 xã Phước Lộc và Phước Hòa đã đạt*).

*** Nội dung thực hiện**

2.1. Cấp xã:

- Năm 2016: Xây dựng đường giao thông trục xã: 0,245km; đường giao thông trục thôn xóm: 6,01 km; đường giao thông ngõ xóm: 19,8 km; cứng hóa đường nội đồng: 5,8 km. *Ước kinh phí thực hiện: 22.214 triệu đồng.*

- Năm 2017: Xây dựng đường giao thông trục thôn xóm: 1,35 km; đường giao thông ngõ xóm: 31,7 km; cứng hóa đường nội đồng: 8,9 km. *Ước kinh phí thực hiện: 32.354 triệu đồng.*

- Năm 2018: Xây dựng đường giao thông ngõ xóm: 16,2 km; cứng hóa đường nội đồng: 7,3 km. *Ước kinh phí thực hiện: 17.481 triệu đồng.*

2.2. Cấp Huyện:

- Năm 2017: Nâng cấp, mở rộng đường Huyện ĐH42 để đạt chuẩn: 3,0km; *Ước kinh phí thực hiện: 14.000 triệu đồng.*

- Năm 2018: Nâng cấp, mở rộng đường Huyện ĐH42 để đạt chuẩn: 6,0km;
Ước kinh phí thực hiện: 22.000 triệu đồng.

- Năm 2019: Nâng cấp, mở rộng đường Huyện ĐH42 để đạt chuẩn: 2,93km;
Ước kinh phí thực hiện: 13.000 triệu đồng.

Phần đầu đến cuối năm 2019 trên địa bàn huyện đạt (Tiêu chí 2 - Giao thông)

**** Tổng kinh phí ước thực hiện 2016-2019 là: 121.049 triệu đồng.***

(Cụ thể chi tiết theo phụ lục 1)

3. Tiêu chí 3 (Thủy lợi): Tập trung xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi để cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh, những xã chưa đạt về tiêu chí thủy lợi, tiếp tục triển khai thực hiện trong những năm tới, đảm bảo theo tiêu chí kênh mương do các xã quản lý bê tông hóa trên 70%, thường xuyên kiểm tra, bảo đảm chất lượng và năng lực tưới, tiêu của từng công trình.

Đối với hồ đập: Ổn định và đảm bảo an toàn cho các hồ đập hiện có; cải tạo, sửa chữa một số hồ, đập đảm bảo cho nhu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất sinh hoạt cho người dân nông thôn.

**** Nội dung thực hiện***

- Năm 2016: Xây dựng KCHKM nội đồng: 17,1 km; *Ước kinh phí thực hiện: 17.070 triệu đồng.*

- Năm 2017: Xây dựng KCHKM nội đồng: 23,0 km; *Ước kinh phí thực hiện: 22.960 triệu đồng.*

- Năm 2018: Xây dựng KCHKM nội đồng: 8,4 km; *Ước kinh phí thực hiện: 8.390 triệu đồng.*

Phần đầu đến cuối năm 2018 các xã trên địa bàn huyện đạt (Tiêu chí 3 - Thủy lợi)

**** Tổng kinh phí ước thực hiện 2016-2018 là: 48.420 triệu đồng.***

(Cụ thể chi tiết theo phụ lục 2)

4. Tiêu chí 4 (Điện): Thực hiện chuyển giao quản lý điện cho ngành điện quản lý; phối hợp, đề nghị nâng cao chất lượng và xây dựng mới hệ thống điện đảm bảo yêu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân nông thôn, đảm bảo trên 98% hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn.

5. Tiêu chí 5 (Trường học): Tranh thủ các nguồn vốn của TW, của tỉnh đảm bảo ổn định nâng cấp các công trình hiện có, tiến hành đầu tư nâng cao chất lượng xây dựng các công trình trường học. Đảm bảo đạt tỷ lệ 80% trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia (tiêu chí này 02 xã Phước Hiệp và Phước Thuận đã đạt).

**** Nội dung thực hiện***

5.1. Cấp xã:

- Năm 2016: Xây dựng, sửa chữa trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia; *Ước kinh phí thực hiện: 5.280 triệu đồng.*

- Năm 2017: Xây dựng, sửa chữa trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia; *Ước kinh phí thực hiện: 6.280 triệu đồng.*

- Năm 2018: Xây dựng, sửa chữa trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia; *Ước kinh phí thực hiện: 7.980 triệu đồng.*

- Năm 2019: Xây dựng, sửa chữa trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia; *Ước kinh phí thực hiện: 2.540 triệu đồng.*

5.2. Cấp huyện:

- Năm 2016: Xây dựng, nâng cấp Trường THPT Nguyễn Diêu bao gồm: Xây dựng 3 phòng bộ môn + XD cầu vượt+ Mở rộng diện tích và nâng mặt bằng trường học; *Ước kinh phí thực hiện: 6.000 triệu đồng.*

- Năm 2016-2017: Xây dựng, nâng cấp: Trường THPT số 3 Tuy Phước bao gồm: Xây dựng 9 phòng học +3 phòng bộ môn + XD 01 nhà bảo vệ + 01 nhà vệ sinh + Đồ lồi đi BT 1000m² + XD tường rào + XD nhà Hiệu bộ; *Ước kinh phí thực hiện: 9.000 triệu đồng.*

- Năm 2017: Xây dựng, nâng cấp Trường THPT số 2 Tuy Phước bao gồm: Sửa chữa nâng cấp toàn bộ phòng học + Phòng chức năng + Nhà Hiệu bộ; *Ước kinh phí thực hiện: 2.000 triệu đồng.*

Phân đấu đến cuối năm 2019 trên địa bàn huyện đạt (Tiêu chí 5 - Trường học)

*** Tổng kinh phí ước thực hiện 2016-2019 là: 44.720 triệu đồng.**

(Cụ thể chi tiết theo phụ lục tổng hợp)

6. Tiêu chí 6 (Cơ sở vật chất văn hóa): Huy động tối đa các nguồn từ nội lực và các nguồn khác để xây dựng nhà văn hóa xã, khu thể thao xã; nhà văn hóa thôn, khu thể thao thôn đạt chuẩn, cụ thể:

*** Nội dung thực hiện**

- **Năm 2016:** xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa; nhà văn hóa, khu thể thao thôn đạt chuẩn; *Ước kinh phí thực hiện: 25.005 triệu đồng,* bao gồm:

+ Xây dựng mới 04 nhà văn hóa xã của 04 xã Phước Sơn, Phước Lộc, Phước Hòa và Phước Thuận.

+ Xây dựng mới 07 nhà văn hóa thôn, bao gồm: xã Phước Sơn xây dựng mới 01 nhà văn hóa thôn (*Xuân Phương*); Xã Phước Lộc xây dựng mới 04 nhà văn hóa thôn: (*Vinh Thạnh 1, Hanh Quang, Phú Mỹ 1 và Vinh Hy*); Xã Phước Hòa: xây dựng mới 02 nhà Văn hóa thôn (*Tân Mỹ + Hữu Thành*).

+ Sửa chữa, nâng cấp mở rộng lại 12 nhà văn hóa thôn, bao gồm: xã Phước Sơn sửa chữa, nâng cấp lại 09 nhà văn hóa thôn (*Kỳ Sơn, Phụng Sơn, Vinh Quang 1, Vinh Quang 2, Lộc Thượng, Mỹ Cang, Mỹ Trung, Lộc Trung, Dương Thiện*); Xã Phước Lộc sửa chữa, nâng cấp mở rộng lại 03 nhà văn hóa thôn (*Phú Mỹ và Vinh Thạnh 2*).

+ Xây dựng, mở rộng 07 khu thể thao thôn (Đại Tín, Quảng Tín, Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 2, Trung Thành, Vinh Thạnh 1) xã Phước Lộc; Xây dựng mở rộng 10 khu thể thao thôn xã Phước Sơn.

- **Năm 2017:** Xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa; nhà văn hóa, khu thể thao thôn đạt chuẩn; *Ước kinh phí thực hiện: 17.300 triệu đồng, bao gồm:*

+ Xây dựng mới 01 nhà văn hóa xã Phước Hiệp.

+ Xây dựng mới 19 nhà Văn hóa thôn, bao gồm: Xây dựng 03 nhà văn hóa thôn (*Tuân Lễ, Đại Lễ, Giang Nam*) xã Phước Hiệp; Xây dựng 08 nhà Văn hóa thôn (*Kim Xuyên, Kim Tây, Tân Giản, Tùng Giản, Kim Đông, Bình Lâm, Huỳnh Giản Bắc, Huỳnh Giản Nam*) xã Phước Hòa; Xây dựng nhà 04 Văn hóa thôn (*Tư Cung + Lương Bình + Phố Đông + Thanh Quang*) xã Phước Thắng; Xây dựng 04 nhà văn hóa thôn (*Nhân Ân, Quảng Vân, Liêm Thuận, Lộc Hạ*) xã Phước Thuận;

+ Sửa chữa, nâng cấp mở rộng lại 05 nhà văn hóa thôn (*Luật Lễ, Luật Chánh, Tú Thủy, Giang Bắc, Xuân Mỹ*) xã Phước Hiệp.

+ Xây dựng, nâng cấp sân thể thao 08 thôn (*Tuân Lễ, Lục Lễ, Tú Thủy, Giang Bắc + Giang Nam, Xuân Mỹ, Đại Lễ, Luật Chánh*); Xây dựng 10 khu thể thao thôn xã Phước Hòa;

- **Năm 2018:** Xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã; nhà văn hóa, khu thể thao thôn đạt chuẩn; *Ước kinh phí thực hiện: 8.050 triệu đồng, bao gồm:*

+ Xây dựng mới 02 nhà văn hóa xã Phước Quang và xã Phước Thắng.

+ Xây dựng 04 nhà văn hóa thôn (*Dương Thành, Khuôn Bình, An Lợi, Lạc Điền*) và xây dựng khu thể thao trung tâm xã Phước Thắng.

+ Xây dựng 06 nhà Văn hóa thôn (*Tri Thiện, Phục Thiện, Lộc Ngãi, Định Thiện Đông, Tân Điền, Quảng Điền*) xã Phước Quang.

+ Xây dựng 09 khu thể thao thôn (*Tri Thiện, Phục Thiện, Lộc Ngãi, Định Thiện Đông, Văn Quang, Tân Điền, Quảng Điền, Lương Quang, An Hòa*) xã Phước Quang.

+ Xây dựng 09 khu thể thao thôn xã Phước Thuận.

- **Năm 2019:** xây dựng khu thể thao thôn đạt chuẩn; *Ước kinh phí thực hiện: 1.350 triệu đồng, bao gồm:*

+ Xây dựng 09 khu thể thao thôn xã Phước Thắng.

Phấn đấu đến cuối năm 2019 trên địa bàn huyện đạt (Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa)

*** Tổng kinh phí ước thực hiện 2016-2019 là: 50.505 triệu đồng.**

(Cụ thể chi tiết theo phụ lục 3)

7. Tiêu chí 7 (Chợ nông thôn): Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chợ cho phù hợp (nếu có), tiêu chí này các xã đã đạt.

8. Tiêu chí 8 (Bưu điện): Nâng cao chất lượng hệ thống phục vụ nhân dân tại các điểm bưu chính viễn thông; đưa internet đến hộ gia đình (Tiêu chí này các xã đã đạt).

9. Tiêu chí 9 (Nhà ở dân cư): Những xã đã đạt tiêu chí số 9 cần tiếp tục duy trì, nâng cấp công trình để đảm bảo đời sống, sinh hoạt của người dân (tiêu chí này các xã đã đạt).

Vận động nhân dân tích cực thực hiện xây dựng, cải tạo nhà ở, sân, vườn theo hướng gọn gàng, xanh - sạch - đẹp để ngày càng nâng cao chất lượng cuộc sống trong mỗi gia đình. Ưu tiên làm trước và có chính sách hỗ trợ về lãi suất cho hộ nông dân vay vốn để đầu tư xây dựng, cải tạo nhà ở và các công trình sinh hoạt như: nhà tắm, hố xí, bể nước hợp vệ sinh, tiện ích và văn minh cho các hộ gia đình nông thôn.

10. Tiêu chí 10 (Thu nhập): Đẩy mạnh phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân, phát đầu thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt trên 40 triệu đồng/người/năm và cao hơn mức thu nhập bình quân chung toàn tỉnh (tiêu chí này huyện còn 02 xã: Phước Thuận và Phước Thắng chưa đạt).

11. Tiêu chí 11 (Hộ nghèo): Tích cực giúp các hộ nghèo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập bằng nhiều hình thức. Tiếp tục duy trì, giảm dần tỷ lệ hộ nghèo từ 1 - 1,5%/năm theo chỉ mới (theo tiêu chí cũ 5% các xã đã đạt).

12. Tiêu chí 12 (Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên): Khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn; đưa cơ giới hóa vào sản xuất để rút bớt lao động nông nghiệp sang các ngành nghề khác. Phần đầu tỷ lệ người có việc làm trong độ tuổi lao động đạt trên 90%.

13. Tiêu chí 13 (Hình thức tổ chức sản xuất): Tiêu chí này các xã đã đạt theo qui định. Để đảm bảo ổn định và phát triển các hình thức tổ chức trong thời gia tới, các xã cần duy trì tổ chức sản xuất theo hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã dịch vụ. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Doanh nghiệp.

14. Tiêu chí 14 (Giáo dục): Các xã đã đạt tiêu chí tiếp tục duy trì và cao chất lượng hoạt động giáo dục để đáp ứng yêu cầu xã NTM, bổ sung trang thiết bị dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu chuẩn phổ cập giáo dục; bảo đảm tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học lên Trung học phổ thông.

Duy trì 100% các xã trên địa bàn huyện đạt phổ cập giáo dục, học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học lên các trường THPT và trường nghề để đạt chuẩn theo qui định.

15. Tiêu chí 15 (Y tế): Tiếp tục củng cố, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại các Trạm y tế; tiếp tục nâng tỷ lệ người dân tham gia BHYT, vận động nhân dân mua BHYT để đến 2020 có trên 70% người dân khu vực nông thôn tham gia các hình thức bảo hiểm y tế. Những xã đã đạt tiếp tục giữ vững danh hiệu xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

16. Tiêu chí 16 (Văn hóa): Các xã đã đạt tiêu chí số 16 tiếp tục có kế hoạch duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động theo tiêu chí này. Đối với xã Phước Quang chưa đạt tiêu chí trên (có 6/11 thôn đạt tiêu chuẩn làng văn hóa tỷ lệ 63,6%), vì vậy tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” ở khu dân cư; trọng tâm là xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá; bổ sung, hoàn thiện các thiết chế văn hoá, thể thao ở thôn, xã; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để tạo sức mạnh nội lực trong quá trình xây dựng nông thôn mới;

Tổ chức các hoạt động nhằm phát huy, bảo tồn, phát triển các giá trị văn hoá truyền thống, cải thiện và nâng cao đời sống về tinh thần cho nhân dân trong khu vực nông thôn. **Phần đầu đến năm 2018 có 11 xã (100%) đạt tiêu chí về văn hoá.**

17. Tiêu chí 17 (Môi trường)

Tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; đảm bảo cung cấp đủ nước hợp vệ sinh cho các trường học, trạm y tế, trụ sở và khu công cộng tại các xã;

Vận động nhân dân và các thành phần kinh tế cùng góp vốn đầu tư xây dựng các công trình: Cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh; hệ thống cống, rãnh tiêu nước trong thôn, xóm; các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các xã, liên xã; khu chăn nuôi tập trung; chỉnh trang, cải tạo các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư và phát triển cây xanh ở các công trình công cộng trên địa bàn nông thôn, theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

- Duy trì mỗi thôn có tổ thu gom rác thải và quản lý bảo vệ môi trường theo phương thức tự quản; Hàng năm, thường xuyên, định kỳ thực hiện việc khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ ở khu vực công cộng, thu gom về nơi quy định để xử lý.

- Huyện đầu tư mua sắm thêm 01 xe thu gom rác, vận chuyển rác thải từ các trục chính ở các xã về cơ sở xử lý rác thải tập trung;

- Hỗ trợ xây dựng mô hình chuồng trại chăn nuôi đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường;

- Về Nghĩa trang: 100 % số xã có nghĩa trang theo quy hoạch và được xử lý môi trường theo quy định.

Phần đầu đến năm 2019: Có 100% số xã đạt chuẩn theo quy định về tiêu chí môi trường.

*** Nội dung thực hiện**

Năm 2016 - 2018: Mua sắm thiết bị thu gom rác thải, xây dựng hệ thống thoát nước nước trong thôn, xóm, xây dựng bể thu gom rác thải, bao bì thuốc BVTV, xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch.

*** Tổng kinh phí ước thực hiện là: 6.298 triệu đồng.**

(Cụ thể chi tiết theo phụ lục tổng hợp)

18. Tiêu chí 18 (Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh): Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ xã để đạt chuẩn theo quy định. Hàng năm có kế hoạch tập huấn đề đội ngũ cán bộ xã cập nhật kiến thức thường xuyên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới (tiêu chí này huyện đã đạt).

19. Tiêu chí 19 (An ninh, trật tự xã hội): Tiếp tục duy trì, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt nội dung toàn dân tham gia công tác bảo vệ an ninh trật tự thôn, xóm; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, nhất là các điểm nóng trên địa bàn huyện. Làm tốt công tác tuyên truyền về ATGT và ANTT, đảm bảo an ninh thôn xóm.

III. PHÂN KỲ VỐN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2019

Tổng kế hoạch vốn thực hiện trong giai đoạn 2016-2019 là: **272.502 triệu đồng**, trong đó:

1. Nguồn vốn từ Trung ương và nguồn vốn Tỉnh đầu tư cho (*Tiêu chí số 2- Giao thông*) và (*Tiêu chí số 5- Trường học*) để huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới là: **68.000 triệu đồng**.

2. Nguồn vốn đầu tư cho các tiêu chí để các xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới là: **204.502 triệu đồng**, bao gồm:

- Ngân sách TW+ ngân sách Tỉnh hỗ trợ (50%) là: 102.481 triệu đồng.

- Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%) là: 20.804 triệu đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ cho XD NTM là: 20.404 triệu đồng; kinh phí tổ chức tham quan, trao đổi kinh nghiệm là: 400 triệu đồng.

- Ngân sách xã và nguồn vốn huy động hợp pháp khác (40%) là: 81.617 triệu đồng.

3. Phân kỳ kế hoạch vốn thực hiện trong giai đoạn 2016-2019, trong đó:

- Kế hoạch vốn thực hiện trong năm 2016 là: 85.627 triệu đồng;

- Kế hoạch vốn thực hiện trong năm 2017 là: 100.894 triệu đồng;

- Kế hoạch vốn thực hiện trong năm 2018 là: 65.451 triệu đồng;

- Kế hoạch vốn thực hiện trong năm 2019 là: 20.530 triệu đồng;

(Cụ thể chi tiết kế hoạch vốn từng năm theo phụ lục tổng hợp)

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016-2020

- Xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm để rà soát, đánh giá về các tiêu chí đạt chuẩn cũng như mức độ đạt của từng tiêu chí chưa đạt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Tập trung rà soát, đánh giá, điều chỉnh đồ án quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới, với mục tiêu hoàn thành 19 tiêu chí đến năm 2020 để xây dựng kế hoạch, nội dung thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, trong đó cần tuyên truyền sâu rộng về ý nghĩa, cơ chế, chính sách xây dựng NTM, gương điển hình trong cách làm hay, kinh nghiệm tốt, gắn với cuộc vận động "Huyện Tuy Phước chung sức xây dựng NTM". Vận động người dân, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường trong sản xuất; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; không phát sinh các hoạt động làm suy giảm môi trường; chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo qui định.

- Đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo XD NTM ở huyện, Ban quản lý, giám sát XD NTM ở thôn, xóm; tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Hội đoàn thể, tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc tham gia thực hiện Chương trình.

- Tiếp tục huy động nguồn lực của địa phương, đồng thời lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án để ưu tiên đầu tư cho các tiêu chí chưa đạt nhất là các tiêu chí liên quan đến kết cấu hạ tầng nông thôn, đồng thời đầu tư cả về phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

- Căn cứ về cơ chế chính sách thực hiện XD NTM, cơ quan chuyên môn sẽ tham mưu, hướng dẫn các xã thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư XD NTM phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm hoàn thành các tiêu chí về XD NTM để huyện nhà sớm về đích XD NTM trong giai đoạn 2016- 2020.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp & PTNT: Là Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới huyện, chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ban chỉ đạo huyện chỉ đạo thực hiện các nội dung của Chương trình; tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình. Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 3 (*Thủy lợi*), tiêu chí số 13 (*Hình thức tổ chức sản xuất*).

2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn nội dung về quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quản lý chất lượng các công trình xây dựng. Hướng dẫn thực hiện tiêu chí 1 (*Quy hoạch*), 2 (*Giao thông*), 4 (*Điện*), 7 (*Chợ nông thôn*), 9 (*Nhà ở dân cư*).

3. Phòng Văn hóa - Thông tin: Chủ động tham mưu các hoạt động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư", xây dựng tiêu chí làng văn hóa xanh - sạch - đẹp. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 6 (*Cơ sở vật chất văn hóa*), 8 (*Bưu điện*), 16 (*Văn hóa*).

4. Phòng Tài nguyên và môi trường: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 17 (*Môi trường*), đồng thời chủ trì, hướng dẫn các địa phương lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm và điều chỉnh kế sử dụng đất (nếu có).

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 5 (*Trường học*) và chỉ tiêu 14.1 và 14.2 của tiêu chí số 14 (*Giáo dục*).

6. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 11 (*Hộ nghèo*), tiêu chí số 12 (*Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên*) và chỉ tiêu 14.3 của tiêu chí số 14 (*Giáo dục*).

7. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu cơ chế chính sách tạo nguồn kinh phí các cấp để phục vụ Chương trình; đơn đốc, kiểm tra việc thanh toán công nợ; đề xuất việc bố trí lồng ghép, phân bổ các nguồn vốn đảm bảo để thực hiện hoàn thành Chương trình; hướng dẫn thực hiện cơ chế đầu tư, cơ chế lồng ghép nguồn lực đối với các công trình, dự án đầu tư xây dựng thuộc Chương trình.

8. Phòng Y tế: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 15 (*Y tế*).

9. Phòng Nội vụ huyện: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 18 (*Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh*).

10. Chi cục Thống kê huyện: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 10 (*Thu nhập*).

11. Công an huyện: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 19 (*An ninh, trật tự xã hội*).

12. Các cơ quan, đơn vị, thành viên Ban chỉ đạo không phụ trách tiêu chí: Có trách nhiệm phụ trách xã được phân công phối hợp với các ngành có tiêu chí đơn đốc các xã thực hiện. Bố trí công việc hợp lý để đi cơ sở nắm tình hình, chỉ đạo, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

13. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Hội, đoàn thể nhân dân huyện: Chỉ đạo các cấp phối hợp chặt chẽ với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện Chương trình; duy trì và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư" gắn với xây dựng nông thôn mới.

14. Ủy ban nhân dân các xã: Có trách nhiệm chỉ đạo toàn diện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã:

- Đối với 04 xã về đích giai đoạn 2011-2015: rà soát thực trạng các tiêu chí, xây dựng Đề án chi tiết nâng cao chất lượng từng tiêu chí đạt được, kế hoạch vốn nhu cầu vốn hàng năm cần thực hiện để được đánh giá công nhận lại vào năm 2020.

- Đối với 02 xã về đích năm 2016 là Phước Lộc và Phước Sơn: trên cơ sở Đề án XD NTM của xã đã được phê duyệt và kế hoạch XD NTM năm 2016 của 02 xã đã lập, ngoài nguồn vốn của địa phương, tranh thủ nguồn hỗ trợ của cấp trên, nguồn lồng ghép các chương trình, dự án để đầu tư từng tiêu chí, ưu tiên đầu tư các tiêu chí gần đạt chuẩn để từng bước hoàn thành xây dựng nông thôn mới của 02 xã trên về đích trong năm 2016.

- Đối với 05 xã về đích giai đoạn 2016-2020 xây dựng kế hoạch chi tiết từng tiêu chí hoàn thành của từng năm, có giải pháp thực hiện phù hợp với từng tiêu chí để đạt được trong từng giai đoạn. Các tiêu chí đã đạt được cần có kế hoạch củng cố, nâng cao chất lượng. Phân công rõ trách nhiệm cán bộ phụ trách trong việc chỉ đạo, giám sát quá trình thực hiện.

- Chỉ đạo, lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn; huy động các nguồn lực từ cộng đồng dân cư kết hợp với nguồn kinh phí được hỗ trợ để thực hiện đầu tư xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

- Định kỳ họp Ban quản lý, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm, tham quan, học hỏi các xã trên địa bàn huyện đã đạt chuẩn, đồng thời triển khai và phát động phong trào xây dựng nông thôn mới vào hàng tuần đến các thôn; tổ chức sinh hoạt hàng quý...nhằm đánh giá kết quả thực hiện, đồng thời báo cáo tình hình thực hiện cho Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện theo dõi, chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- BCĐ xây dựng NTM tỉnh (b/c);
- Văn phòng Điều phối tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND&UBND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện, các Hội, đoàn thể;
- Thành viên BCĐ XD NTM huyện;
- UBND các xã:
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Thuận

PHU LUC:

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÂN KỲ VỐN THỰC HIỆN HOÀN THÀNH 19 TIÊU CHÍ THEO BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XD NTM
GIAI ĐOẠN 2016-2020 CỦA UBND CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND Ngàythángnăm 2016 của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí giai đoạn 2016-2020															Ghi chú	
		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Quy mô (thực hiện)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020			
			Ngân sách TW +Tinh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huy động khác		Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr. đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)		
A	CẤP XÃ XD NTM ĐẠT CHUẨN																	
1	Tiêu chí 2 - Giao thông	72.049	36.025	7.205	28.820	97,9	31,8	22.214	42,7	32.354	23,5	17.481	-	-	-	-		
1.1	Xã Phước Sơn	8.372	4.186	837	3.349	9,3	9,3	8.372										
1.2	Xã Phước Lộc	-	-	-	-	-	-	-										(Đã đạt TC2)
1.3	Xã Phước Quang	32.387	16.194	3.239	12.955	44,5	5,8	1.728	22,8	18.728	16,0	11.931						
1.4	Xã Phước Hiệp	10.040	5.020	1.004	4.016	14,6	2,24	1964	12,4	8.076	0,0	-						
1.5	Xã Phước Hoà	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(Đã đạt TC2)
1.6	Xã Phước Thắng	11.650	5.825	1.165	4.660	17,5	14,5	10.150	1,5	750	1,5	750						
1.7	Xã Phước Thuận	9.600	4.800	960	3.840	12,00	0,00	-	6,00	4.800	6,00	4.800						
2	Tiêu chí 3 - Thủy lợi	48.420	24.210	4.842	19.368	48,5	17,1	17.070	23,0	22.960	8,4	8.390	-	-	-	-		
2.1	Xã Phước Sơn	2.660	1.330	266	1.064	2,66	2,66	2.660										
2.2	Xã Phước Lộc	4.400	2.200	440	1.760	4,4	4,4	4.400										
2.3	Xã Phước Quang	13.670	6.835	1.367	5.468	13,7	3,2	3.170	5,5	5.500	5,0	5.000						
2.4	Xã Phước Hiệp	15.500	7.750	1.550	6.200	15,50	2,4	2.440	13,1	13.060	0,0	-						
2.5	Xã Phước Hoà	1.000	500	100	400	1,0	1,0	1.000										
2.6	Xã Phước Thắng	3.190	1.595	319	1.276	3,2	0,0	-	2,4	2.400	0,79	790						
2.7	Xã Phước Thuận	8.000	4.000	800	3.200	8,0	3,4	3.400	2,0	2.000	2,6	2.600						
3	Tiêu chí 5 - Trường học	25.720	12.860	2.572	10.288	-	-	5.280	-	6.280	-	7.980	-	6.180	-	-		
3.1	Xã Phước Sơn	3.740	1.870	374	1.496			3.740										

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí giai đoạn 2016-2020															Ghi chú
		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Quy mô (thực hiện)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW +Tinh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huy động khác		Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	
-	Xây dựng 8P điểm chính trường TH số 2 Phước Sơn. Sửa chữa 4P điểm Dương Thiện chuyên giao trường Mầm non, xây dựng nhà trường trực học sinh.	3.740	1.870	374	1.496												
3.2	Xã Phước Lộc	1.540	770	154	616												
-	Xây dựng 2P + 1 bếp 1 chiều điểm chính, xây dựng nhà trường trực học sinh	1.541	771	154	616												
3.3	Xã Phước Quang	7.980	3.990	798	3.192												
-	Xây dựng 1P chức năng + 2P học + 1 bếp 1 chiều điểm chính, 2P Văn Quang, xây dựng nhà trường trực học sinh. Xây dựng 6P tầng + 2P chức năng trường TH số 2 Phước Quang, xây dựng nhà trường trực học sinh.	7.981	3.991	798	3.192												
3.4	Xã Phước Hiệp	2.140	1.070	214	856												
-	Xây dựng 2P + 1 bếp 1 chiều điểm chính, xây dựng nhà trường trực học sinh	2.141	1.071	214	856												
3.5	Xã Phước Hoà	4.140	2.070	414	1.656												

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí giai đoạn 2016-2020															Ghi chú	
		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Quy mô (thực hiện)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020			
			Ngân sách TW + Tỉnh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huy động khác		Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)		
-	Xây dựng nhà hiệu bộ + 5P học + 1P chức năng, 1P Bình Lâm, 1P Hữu Thành, xây dựng nhà trường trực học sinh.	4.141	2.071	414	1.656													
3.6	Xã Phước Thắng	2.540	1.270	254	1.016									2.540				
-	Xây dựng 4P tầng điểm chính, xây dựng nhà trường trực + 1 bếp 1 chiều	2.540	1.270	254	1.016									2.540				
3.7	Xã Phước Thuận	3.640	1.820	364	1.456									3.640				(Đã đạt TC5)
-	Xây dựng 3P Lộc Bình + 2P cụm chính + 1P chức năng + giao toàn bộ phòng học điểm Hội vận (TH số 2 Phước Thuận) xây dựng nhà trường trực học sinh.	3.640	1.820	364	1.456									3.640				
4	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa	51.555	25.778	5.156	20.622	79	36	24.855	35	17.300	29	8.050	9	1.350	-	-		
4.1	Xã Phước Sơn	9.185	4.593	919	3.674	21	22	9.185										
4.2	Xã Phước Lộc	6.570	3.285	657	2.628	11	11	6.570										
4.3	Xã Phước Quang	7.650	3.825	765	3.060	8	0	-	1	4.500	16,0	3.150						
4.4	Xã Phước Hiệp	8.000	4.000	800	3.200	6		-	18	8.000								
4.5	Xã Phước Hoà	8.000	4.000	800	3.200	11	3	5.600	8	2.400								
4.6	Xã Phước Thắng	6.250	3.125	625	2.500	18	0	-	4	1.200	5,0	3.700	9,0	1.350				
4.7	Xã Phước Thuận	5.900	2.950	590	2.360	4	0	3.500	4	1.200	8,0	1.200						
5	Tiêu chí 10 - Thu nhập	460	460					460										
5.1	Xã Phước Sơn	73	73					73										Hỗ trợ PTSX
5.2	Xã Phước Lộc	73	73					73										Hỗ trợ PTSX
5.3	Xã Phước Quang	73	73					73										Hỗ trợ PTSX
5.4	Xã Phước Hiệp	56	56					56										Hỗ trợ PTSX
5.5	Xã Phước Hoà	73	73					73										Hỗ trợ PTSX
5.6	Xã Phước Thắng	56	56					56										Hỗ trợ PTSX

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí giai đoạn 2016-2020															Ghi chú
		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Quy mô (thực hiện)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW +Tinh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huyện khác		Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	
5.7	Xã Phước Thuận	56	56				56										Hỗ trợ PTSX
6	Tiêu chí 15 - Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6.1	Xã Phước Sơn																(Đã đạt TC15)
6.2	Xã Phước Lộc																(Đã đạt TC15)
6.3	Xã Phước Quang																(Đã đạt TC15)
6.4	Xã Phước Hiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(Đã đạt TC15)
6.5	Xã Phước Hoà	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(Đã đạt TC15)
6.6	Xã Phước Thuận																(Đã đạt TC15)
6.7	Xã Phước Thắng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(Đã đạt TC15)
7	Tiêu chí 17 - Môi trường	6.298	3.149	630	2.519	-	-	748	-	4.000	-	1.550					
7.1	Xã Phước Sơn	300	150	30	120			300	-		-						
-	Mua sắm thiết bị thu gom rác thải	300	150	30	120			300									
7.2	Xã Phước Lộc	48	24	5	19			48									
-	Mua 02 xe đẩy rác và 04	16	8	2	6			16									
-	Tiền công trả cho tổ thu	12	6	1	5			12									
-	Xây dựng 30 bể chứa	20	10	2	8			20									
7.3	Xã Phước Quang	1.650	825	165	660	-	-	300	-	600	-	750					
-	Xây dựng hệ thống thoát nước; các phương tiện thu gom rác thải, bao bì thuốc BVTV thuộc 11 thôn	1.650	825	165	660			300		600		750					
7.4	Xã Phước Hiệp	2.500	1.250	250	1.000					2.500		-					
-	XD các phương tiện thu gom rác thải, bao bì BVTV	500	250	50	200					500							
-	Xây dựng hệ thống thoát nước trong thôn, xóm	2.000	1.000	200	800					2.000		-					
7.5	Xã Phước Hoà	400	200	40	160	-	0	100	-	300	-	-					
-	XD các phương tiện thu gom rác thải, bao bì BVTV	400	200	40	160			100		300		-					
7.6	Xã Phước Thắng	900	450	90	360	-	-	-	-	400	-	500					

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí giai đoạn 2016-2020															Ghi chú
		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Quy mô (thực hiện)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW + Tỉnh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huy động khác		Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	
-	XD các phương tiện thu gom rác thải, bao bì	100	50	10	40						100						
-	Mua sắm thiết bị thu gom rác thải	300	150	30	120						300						
-	Xây dựng hệ thống thoát nước trong thôn, xóm	500	250	50	200						500						
7.7	Xã Phước Thuận	500	250	50	200	-	-	-	-	200	-	300					
-	XD các phương tiện thu gom rác thải, bao bì - BVTV; Xây dựng hệ thống thoát nước	500	250	50	200						200		300				
	Cộng	204.502	102.481	20.404	81.617	225	85	70.627	101	82.894	61	43.451	9	7.530	-	-	
B	CẤP HUYỆN XD NTM ĐẠT CHUẨN	68.000	68.000					15.000		18.000		22.000		13.000			
1	Tiêu chí 2 - Giao thông	49.000	49.000	-	-	11,93	-	-	3,0	14.000	6,0	22.000	2,9	13.000			
1.1	Nâng cấp, mở rộng đường Huyện ĐH42	49.000	49.000			11,93			3,0	14.000	6,0	22.000	2,93	13.000			
2	Tiêu chí 5 - Trường học	19.000	19.000					15.000		4.000							
2.1	Trường THPT Nguyễn Diêu: Xây dựng 3 phòng bộ môn + XD cầu vượt+ Mở rộng diện tích + Nâng mặt bằng	6.000	6.000					6.000									
2.2	Trường THPT số 3 Tuy Phước: Xây dựng 9 phòng học +3 phòng bộ môn + XD 01 nhà bảo vệ + 01 nhà vệ sinh + Đổ lối đi BT 1000m2 + XD tường rào + XD nhà Hiệu bộ	11.000	11.000					9.000		2.000							

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí giai đoạn 2016-2020														Ghi chú	
		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Quy mô (thực hiện)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW + Tỉnh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huy động khác		Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (thực hiện)		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)
2.3	<i>Trường THPT số 2 Tuy Phước: Sửa chữa nâng cấp toàn bộ phòng học + Phòng chức năng + Nhà Hiệu bộ</i>	2.000	2.000														
C	<i>Kinh phí tổ chức tham quan, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng Nông thôn mới</i>			400,0			-		200		200						
	Tổng cộng A+B	272.502	170.481	20.804	81.617			85.627		100.894		65.451		20.530		-	

PHỤ LỤC: 1

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BÊ TÔNG HÓA GIAO THÔNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2016-2020 CỦA UBND
CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND Ngàythángnăm 2016 của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch Bê tông GTNT giai đoạn 2016-2020 (km)														Ghi chú	
		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Tổng cộng chiều dài (km)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW +Tinh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huy động khác		Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)
A	Xã XD NTM NĂM 2016	8.372	4.186	837	3.349	9,30	9,30	8.372									
1	Xã Phước Sơn	8.372	4.186	837	3.349	9,30	9,30	8.372									
-	BTXM đường trục xã																27,5/27,5km (đạt 100%)
-	BTXM đường thôn -xóm	4.660	2.330	466	1.864	4,66	4,66	4.660									13,09/25,35 (đạt
-	BTXM đường ngõ -xóm	3.712	1.856	371	1.485	4,64	4,64	3.712									15,04/29,65 km (đạt 54,27%)
-	Cứng hóa đường nội đồng																6,74/6,74 km
B	Xã XD NTM 2016-2020	63.677	31.839	6.368	25.471	88,64	22,50	13.842	42,68	32.354	23	17.481	-	-	-	-	
1	Xã Phước Quang	32.387	16.194	3.239	12.955	44,49	5,76	1.728	22,76	18.728	15,97	11.931					
-	BTXM đường ngõ -xóm	27.200	13.600	2.720	10.880	27,20	0,00	-	17,00	17.000	10,20	10.200					5,04/46 km (đạt 48,9%)
-	Cứng hóa đường nội đồng	5.187	2.594	519	2.075	17,3	5,76	1.728	5,76	1.728	5,77	1.731					0/24 km
2	Xã Phước Hiệp	10.040	5.020	1.004	4.016	14,65	2	1.964	12	8.076	0,00	-					
-	BTXM đường trục xã	1.300	650	130	520	1,050	0,245	500	0,8	800							10,4/11,45 km (đạt
-	BTXM đường thôn -xóm	2.160	1.080	216	864	2,70	1,35	1.080	1,35	1.080							3,29/8,55 km
-	BTXM đường ngõ -xóm	5.580	2.790	558	2.232	9,30	0,64	384	8,66	5.196							4,4/19,57 km
-	Cứng hóa đường nội đồng	1.000	500	100	400	1,60	0,0	-	1,6	1.000							0/3,5 km
3	Xã Phước Thắng	11.650	5.825	1.165	4.660	17,5	15	10.150	1,5	750	1,50	750					

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch Bê tông GTNT giai đoạn 2016-2020 (km)														Ghi chú	
		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Tổng cộng chiều dài (km)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW + Tỉnh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huy động khác		Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)
-	BTXM đường ngõ - xóm	10.150	5.075	1.015	4.060	14,50	14,5	10.150	0,00	-	-	-	-	-	-	6,49/29,8km (đạt 21,8%)	
-	Cứng hóa đường nội đồng	1.500	750	150	600	3,00	0,00	-	1,5	750	1,50	750	-	-	-	0,8/4,26km (đạt 18,8%)	
4	Xã Phước Thuận	9.600	4.800	960	3.840	12,00	0,00	-	6,00	4.800	6,00	4.800	-	0	-		
-	BTXM đường thôn - xóm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,45/7,45km (đạt 100%)	
-	BTXM đường ngõ - xóm	9.600	4.800	960	3.840	12,00	0,0	-	6,0	4.800	6,0	4.800	-	-	-	2,4/20,7km (đạt 11%)	
-	Cứng hóa đường nội đồng															không có	
	Tổng Cộng	72.049	36.025	7.205	28.820	97,94	31,8	22.214	42,68	32.354	23,5	17.481	-	-	-		
I	BTXM đường trục xã					0,245	0,245										
II	BTXM đường trục thôn - xóm					7,36	6,01		1,35		0,00	-					
III	BTXM đường trục ngõ - xóm					67,64	19,8		31,7		16,2						
IV	Cứng hóa đường nội đồng					21,89	5,8		8,9		7,3	-	-				
	CỘNG KM THỰC HIỆN	-	-	-	-	97,14	31,8	-	41,87	-	23,5	-	-	-	-		
V	Nâng cấp, mở rộng đường Huyện ĐH42	49.000	49.000			11,93			3,0	14.000	6,0	22.000	2,93	13.000			
	TỔNG CỘNG	121.049	85.025	7.205	28.820			22.214		46.354		39.481		13.000			

PHU LUC: 2

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG NỘI ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 CỦA UBND
CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND Ngàythángnăm 2016 của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch kiến cố hóa kênh mương giai đoạn 2016-2020 (km)														Ghi chú (Theo rà soát tuyến kênh chính quy mô tưới 20 ha trở lên (km))	
		Tổng kinh phí đã thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Tổng cộng chiều dài (km)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW +Tinh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huyện khác (40%)		Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Chiều dài (km)		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)
A	Xã XD NTM NĂM 2016	7.060	3.530	706	2.824	7,06	7,06	7.060	0,0	-	0,0	-	0,0	-	-	-	
1	Xã Phước Sơn (đạt 61%)	2.660	1.330	266	1.064	2,66	2,66	2.660									17,56/28,5
2	Xã Phước Lộc (đạt 49,5%)	4.400	2.200	440	1.760	4,40	4,4	4.400									10,7/21,6
B	Xã XD NTM 2016-2020	41.360	20.680	4.136	16.544	41,4	10,0	10.010	23,0	22.960	8,4	8.390	0,0	-	-	-	
1	Xã Phước Quang(đạt 15,2%)	13.670	6.835	1.367	5.468	13,70	3,2	3.170	5,5	5.500	5,0	5.000	0,0	-	-	-	3,8/25
2	Xã Phước Hiệp(đạt 1,9%)	15.500	7.750	1.550	6.200	15,50	2,4	2.440	13,1	13.060	0,0	-	-	-	-	-	0,45/23
3	Xã Phước Hoà (đạt 65%)	1.000	500	100	400	1,00	1,0	1.000	0,0	-	0,0	-	0,0	-	-	-	6,5/10,09
4	Xã Phước Thăng(đạt 40,2%)	3.190	1.595	319	1.276	3,19	0,0	-	2,40	2.400	0,79	790	-	-	-	-	4,3/10,7
5	Xã Phước Thuận (đạt 8%)	8.000	4.000	800	3.200	8,00	3,4	3.400	2,0	2.000	2,6	2.600	-	-	-	-	1,57/16,1
	Tổng cộng	48.420	24.210	4.842	19.368	48,5	17,1	17.070	23,0	22.960	8,4	8.390	-	-	-	-	

PHU LỤC: 3

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 2016-2020 CỦA UBND
CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND Ngàythángnăm 2016 của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất văn hóa giai đoạn 2016-2020															Ghi chú
		Tổng kinh phí đã thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Quy mô (Nhà)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW + Tỉnh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huyện khác		Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	
A	Xã XD NTM NĂM 2016	15.755	7.878	1.576	6.302	32	33	15.755									
1	Xã Phước Sơn	9.185	4.593	919	3.674	21	22	9.185									
-	Xây dựng nhà văn hóa xã	4.185	2.093	419	1.674	1	1	4.185									
-	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn (Xuân Phương)	800	400	80	320	1	1	800									
-	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa (Kỳ Sơn, Phụng Sơn, V Quang 1, V Quang 2, Lộc Thượng, Mỹ Cang, Mỹ Trung, Lộc Trung, Dương Thiện)	2.700	1.350	270	1.080	9	9	2.700									
-	Xây dựng sân thể thao thôn (10 thôn)	1.500	750	150	600	10	10	1.500									
2	Xã Phước Lộc	6.570	3.285	657	2.628	11	11	6.570									
-	Xây dựng nhà văn hóa xã	3.500	1.750	350	1.400	1	1	3.500									
-	Xây dựng mới NVH thôn (Vinh Thạnh 1)	900	450	90	360	1	1	900									
-	Xây dựng mới, mở rộng NVH thôn Hanh Quang	670	335	67	268	1	1	670									
-	Sửa chữa cải tạo lại NVH thôn Phú Mỹ 2 + Vinh Thạnh 2)	600	300	60	240	2	2	600									

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất văn hóa giai đoạn 2016-2020														Ghi chú	
		Tổng kinh phí đã thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Quy mô (Nhà)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW +Tinh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huyện khác		Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)		Tổng kinh phí thực hiện (Triệu đồng)
-	Xây dựng 06 khu thể thao thôn (Đại Tín, Quảng Tín, Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 2, Trung Thành, Vinh Thạnh 1)	900	450	90	360	6	6	900									
B	Xã XD NTM 2016-2020	35.800	17.900	3.580	14.320	48	4	9.100	35	17.300	29	8.050	9	1.350	-	-	
1	Xã Phước Quang	7.650	3.825	765	3.060	8	-	-	1	4.500	16	3.150					
-	Xây dựng nhà văn hóa xã	4.500	2.250	450	1.800	1			1	4.500							
-	Xây dựng nhà Văn hóa thôn (Tri Thiện, Phục Thiện, Lộc Ngãi, Định Thiện Đông, Tân Điền, Quảng Điền)	1.800	900	180	720	6					6	1.800					
-	Xây dựng 09 khu thể thao thôn (Tri Thiện, Phục Thiện, Lộc Ngãi, Định Thiện Đông, Văn Quang, Tân Điền, Quảng Điền, Lương Quang, An Hòa)	1.350	675	135	540	0					9	1.350					
2	Xã Phước Hiệp	8.000	4.000	800	3.200	6		-	18	8.000	-	-					
-	Xây dựng nhà văn hóa xã	4.500	2.250	450	1.800	1			1	4.500							
-	Xây dựng nhà văn hóa Thôn Tuấn Lễ , Đại Lễ, Giang Nam	1.050	525	105	420	3			3	1.050							
-	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa (Luật Lễ, Luật Chánh, Tú Thủy, Giang Bắc, Xuân Mỹ)	1.250	625	125	500	5			5	1.250							
-	Xây dựng, nâng cấp sân thể thao 08 thôn (Tuần Lễ, Lục Lễ, Tú Thủy, Giang Bắc + Giang Nam, Xuân Mỹ, Đại	1.200	600	120	480	8			8	1.200							

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất văn hóa giai đoạn 2016-2020														Ghi chú	
		Tổng kinh phí đã thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Quy mô (Nhà)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW + Tỉnh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huyện khác		Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)		Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)
3	Xã Phước Hoà	8.000	4.000	800	3.200	11	3	5.600	8	2.400	-	-					
-	Xây dựng nhà văn hóa xã	5.000	2.500	500	2.000	1	1	5.000									
-	Xây dựng nhà Văn hóa thôn (Tân Mỹ + Hữu Thành)	600	300	60	240	2	2	600									
-	Xây dựng nhà Văn hóa thôn (Kim Xuyên + Kim Tây + Tân Giản + Tùng Giản + Kim Đông + Bình Lâm + Huỳnh Giản Bắc + Huỳnh Giản Nam)	2.400	1.200	240	960	8		8	2.400								
-	Xây dựng khu thể thao thôn (10 thôn)	1.500	750	150	600	10		10	1.500								
4	Xã Phước Thắng	6.250	3.125	625	2.500	18	-	-	4	1.200	5	3.700	9	1.350	-	-	
-	Xây dựng nhà văn hóa xã	2.500	1.250	250	1.000	1					1	2.500					
-	Xây dựng nhà Văn hóa thôn (Tư Cung + Lương Bình + Phở Đông + Thanh Quang)	1.200	600	120	480	4		4	1.200								
-	Xây dựng nhà Văn hóa thôn (Dương Thành + Khuôn Bình + An Lợi + Lạc Điền)	1.200	600	120	480	4					4	1.200					
-	Xây dựng sân thể thao thôn (09 thôn)	1.350	675	135	540	9							9	1.350			
5	Xã Phước Thuận	5.900	2.950	590	2.360	5	1	3.500	4	1.200	8	1.200	-	-			
-	Xây dựng nhà văn hóa xã	3.500	1.750	350	1.400	1	1	3.500									
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn (Nhân Ân + Quảng Vân)	600	300	60	240	2			-	2	600						

TT	Xã/Thị trấn	Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất văn hóa giai đoạn 2016-2020														Ghi chú	
		Tổng kinh phí đã thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó			Quy mô (Nhà)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			Ngân sách TW + Tỉnh hỗ trợ (50%)	Ngân sách Huyện hỗ trợ (10%)	Ngân sách xã và huyện khác		Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Quy mô (Nhà)		Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn Liêm Thuận +Lộc Hạ)	600	300	60	240	2			2	600							
-	Xây dựng khu thể thao thôn (08 thôn)	1.200	600	120	480						8	1.200	0				
	Tổng cộng	51.555	25.778	5.156	20.622	80	37	24.855	35	17.300	29	8.050	9	1.350	-	-	-

PHU LỤC: 4

KẾ HOẠCH VỐN TỔ CHỨC THAM QUAN, TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND Ngàythángnăm 2016 của UBND huyện Tuy Phước)

TT	NỘI DUNG	Kế hoạch vốn tham quan, trao đổi kinh nghiệm giai đoạn 2016-2020					Ghi chú	
		Tổng kinh phí (Triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020
-	Kinh phí tổ chức tham quan, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng Nông thôn mới	400,0	-	200,0	200,0	0,0	0,0	

Số: /BC-BCĐ

Tuy Phước, ngày tháng năm 2016

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016

A. Tình hình và kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 đầu năm 2016:

I. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện:

- UBND huyện đã Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo, Tổ công tác (theo QĐ số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2016) và thành lập Văn phòng Điều phối giúp Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Phước giai đoạn 2016-2020 (theo QĐ 5480/QĐ-UBND ngày 17/11/2015, gồm 15 thành viên), đồng thời đã ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Điều phối.

- Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện đã tham mưu cho Huyện ủy Tuy Phước ban hành Chương trình Hành động “về xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”, đồng thời tham mưu cho UBND huyện Kế hoạch thực hiện Chương trình Hành động của Huyện ủy về xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Cấp xã đã tổ chức tổng kết tình hình tổ chức triển khai thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và đề ra phương hướng nhiệm vụ trong giai đoạn 2016 - 2020. Tiếp tục kiện toàn, củng cố BQL XDNTM cấp xã, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nâng cấp các tiêu chí đã đối với 04 xã đạt đạt chuẩn xã nông thôn mới và hoàn thành các tiêu chí chưa đạt đối với 07 xã còn lại, trong đó xã Phước Sơn và Phước Lộc phần đầu đạt xã nông thôn mới trong năm 2016.

II. Công tác tuyên truyền, vận động:

- Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện phối hợp cùng với Hội LHPN huyện tổ chức Hội thi “Phụ nữ tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020, trong tháng 6/2016 đã tổ chức tại 02 xã Phước Lộc và Phước Sơn.

- Phối hợp với Đài truyền thanh huyện về tuyên truyền một số nội dung xây dựng nông thôn mới trong năm 2016 trên đài phát thanh của huyện. Bên cạnh đó ban hành

Công văn chỉ đạo các địa phương tuyên truyền một số nội dung trọng tâm trong năm 2016 như: Gợi ý hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường, gợi ý nội dung hướng dẫn thích ứng biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp...

- Phối hợp với Ban Thường trực Mặt trận TQVN huyện xây dựng Chương trình phối hợp về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

III. Tiến độ thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng của 02 xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2016

Trong năm 2016 UBND tỉnh Bình Định đã ban hành các Quyết định phân bổ kinh phí để hỗ trợ các thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng, cụ thể:

- Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016 (trong đó: xã Phước Lộc, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Quang 100 triệu đồng/xã; xã Phước Hiệp, Phước Thắng, Phước Thuận 77 triệu đồng/xã).

- Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn ngân sách tỉnh năm 2016 (trong đó: xã Phước Lộc và Phước Sơn 700 triệu đồng/xã)

- Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch các xã đăng ký hoàn thành xây dựng nông thôn mới và phân bổ kinh phí hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn ngân sách tỉnh năm 2016 (trong đó: xã Phước Lộc và Phước Sơn 3.000 triệu đồng/xã)

- Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc phân bổ kinh phí thưởng công trình phúc lợi cho các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 24/2/2016 của UBND huyện Tuy Phước về việc phân bổ kinh phí thưởng công trình phúc lợi cho các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn huyện (trong đó: xã Phước Lộc và Phước Sơn 2.000 triệu đồng/xã; xã Phước Hòa, Phước Quang, Phước Hiệp, Phước Thắng, Phước Thuận 400 triệu đồng/xã).

- Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ năm 2016. (trong đó: xã Phước Lộc, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Quang 355 triệu đồng/xã; xã Phước Thắng, Phước Thuận 275 triệu đồng/xã; xã Phước Hiệp 273 triệu đồng).

1. Xã Phước Sơn:

- Đến nay xã Phước Sơn đã đạt 14/19 tiêu chí là: Tiêu chí 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 4 - Điện; Tiêu chí 7 - Chợ; Tiêu chí 8 - Bưu điện; Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí 10 - Thu nhập; Tiêu chí 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 12 - Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên; Tiêu chí 13 - Hình thức tổ chức sản xuất; Tiêu chí 14 - Giáo dục; Tiêu chí 15 - Y tế; Tiêu chí 16 - Văn hóa; Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị; Tiêu chí 19 - An ninh trật tự xã hội.

- Trong năm 2016 sẽ hoàn thành thêm 05 tiêu chí nữa là: Tiêu chí 2 - Giao thông; Tiêu chí 3 - Thủy lợi; Tiêu chí 5 - Trường học; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 17 - Môi trường. Nội dung và tiến độ thực hiện các tiêu chí còn lại cụ thể như sau:

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tổng vốn	Quy mô (km)	KH thực hiện năm 2016			Tiến độ thực hiện đến ngày 16/5/2016
				Vốn trực tiếp cho chương trình			
				TW + Tỉnh	Huyện	Xã	
		13.922		5.700	1.392	6.745	
I	Tiêu chí 2 - Giao thông	1.545	7	1.001	155	390	
1	Bê tông xi măng đường giao thông nội đồng	1545,4	6,67	1.001	155	390	
1.1	Đường Nội đồng Phụng Sơn (Ruộng ông Bình - Ruộng ông Duyên)	314,8	1,431	202	31	81	Đã thực hiện hơn 30% khối lượng công trình (Do đang vào mùa sản xuất nên nước nhiều làm ngập lấy lợi ảnh hưởng đến tiến độ thi công)
1.2	Đường Nội đồng Kỳ Sơn (Ruộng bà Tui - Giáp Phước Thuận)	167,8	0,408	109	17	42	
1.3	Đường Nội đồng Lộc Trung (Hồ nước 14 - Ruộng bà Yến gò Đông)	180,2	0,819	117	18	45	
1.4	Đường nội đồng Vinh Quang 1 (Nhà ông Sơn Kế - BTXM đi VQ2)	151,8	0,690	99	15	38	
1.5	Đường Nội đồng Vinh Quang 2 (Ruộng ông Quế - Đường BTXM)	148,5	0,675	96	15	38	
1.6	Đường Nội đồng Mỹ Trung (Nhà bà Vân - Gò Lộc Thượng)	88,4	0,402	57	9	23	
1.7	Đường Nội đồng Mỹ Cang (Nhà Đỗ Sanh Hiệp - Giáp ba tô)	131,8	0,599	86	13	33	
1.8	Đường Nội đồng Xuân Phương (Nhà bà Linh - Ruộng Huynh Niên Dương Thiện)	85,1	0,387	56	9	21	
1.9	Đường Nội đồng Lộc Thượng (Nhà 7 Năng - Giáp bờ hạ Ngâm)	128,9	0,586	83	13	33	
1.10	Đường Nội đồng Dương Thiện (Ruộng Huỳnh Niên - Giáp bờ hạ ngâm)	148,1	0,673	96	15	37	
II	Tiêu chí 3 - Thủy lợi	3.192	2,66	549	319	2.324	
1	Mương dưới nhà ông Yêm ra TX 8	372	0,310	64	37	271	Đã triển khai thực hiện 75%
2	Mương ngang bọng số 1 đến mương dọc trong Gò dài	749	0,624	129	75	545	
3	Kênh ông Thao - Ông Huệ	2.071	1,726	356	207	1.508	
III	Tiêu chí 5 - Trường học	1.500		350	150	1.000	
1	Xây dựng tường rào, cổng ngõ trường tiểu học số 2 (điểm Lộc Thượng)	1.500		350	150	1.000	Đã triển khai thực hiện 75%
IV	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa	7.685		3.800	769	3.032	

1	Xây dựng nhà văn hóa xã Phước Sơn	4.185		2.050	419	1.632	Đã triển khai thực hiện 30%
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Xuân Phương (kết hợp trụ sở thôn)	800		400	80	320	Đã triển khai thực hiện 30% (Dự kiến cuối tháng 7 sẽ hoàn thành)
3	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa Phụng Sơn	300		150	30	120	
4	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa Kỳ Sơn	300		150	30	120	
5	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa Lộc Trung	300		150	30	120	
6	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa Vinh Quang 1	300		150	30	120	
7	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa Vinh Quang 2	300		150	30	120	
8	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa Mỹ Trung	300		150	30	120	
9	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa Mỹ Cang	300		150	30	120	
10	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa Lộc Thượng	300		150	30	120	
11	Nâng cấp TS thôn kết hợp nhà văn hóa Dương Thiện	300		150	30	120	
4	Tiêu chí 17 - Môi trường	300				300	
4.1	Quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã Phước Sơn	300				300	Đã thông qua UBND xã hoàn thành 80%

2. Xã Phước Lộc:

- Đến nay xã Phước Lộc đã đạt 15/19 tiêu chí là: Tiêu chí 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 2 - Giao thông; Tiêu chí 4 - Điện; Tiêu chí 7 - Chợ; Tiêu chí 8 - Bưu điện; Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí 10 - Thu nhập; Tiêu chí 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 12 - Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên; Tiêu chí 13 - Hình thức tổ chức sản xuất; Tiêu chí 14 - Giáo dục; Tiêu chí 15 - Y tế; Tiêu chí 16 - Văn hóa; Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị; Tiêu chí 19 - An ninh trật tự xã hội.

- Trong năm 2016 sẽ hoàn thành thêm 05 tiêu chí nữa là: Tiêu chí 3 - Thủy lợi; Tiêu chí 5 - Trường học; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 17 - Môi trường. Nội dung và tiến độ thực hiện các tiêu chí còn lại cụ thể như sau:

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tổng vốn	Quy mô (km)	KH thực hiện năm 2016			Tiến độ thực hiện đến ngày 16/5/2016
				Vốn trực tiếp cho chương trình			
				TW + Tỉnh	Huyện	Xã	
		12.227		3.700	1.193	7.334	
1	Tiêu chí 3 - Thủy lợi	4.277	4,4	855	427,7	2994,3	
1.1	KCHKM tuyến từ trạm bơm 19/5 đến đồng Mù u	668	0,75	134	67	467	Đã hoàn thành 100%
1.2	KCHKM tuyến từ bờ bản số 01 đến vùng ruộng Mốc Mèo	381	0,33	76	38	267	

1.3	KCHKM tuyến từ ruộng Ngộ đến lò gạch	649	0,55	130	65	454	
1.4	KCHKM tuyến từ ụ đất đến gò ông The	436	0,49	87	44	305	
1.5	KCHKM tuyến từ ruộng bà Nguyễn Thị Hương đến ruộng ông Nguyễn Hữu Thanh (trước lò gạch)	348	0,50	80	35	233	
1.6	KCHKM tuyến từ nhà bà Đào Thị Thủy Huệ đến ruộng lúa ông Hàm	861	0,73	162	86	613	
1.7	KCHKM tuyến từ kênh N2-41 đến đồng Thiên Thai (trước lớp Mẫu giáo)	249	0,28	50	25	174	
1.8	KCHKM tuyến từ kênh N-23 đến ruộng lúa bà Đào Thị Yên	685	0,77	136	69	481	
2	Tiêu chí 5 - Trường học	1.200			120	1.080	
2.1	Mở rộng mặt bằng, xây dựng tường rào công nghệ Trường Tiểu học số 2 Phước Lộc	600			60	540	Đã hoàn thành 100%
2.2	Xây dựng tường rào Trường Mầm non Phước Lộc	300			30	270	
2.3	Xây dựng tường rào công nghệ Trường Mầm non Phước Lộc tại cụm Trường Đại Tín	300			30	270	
3	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa	6.450		2.845	645	2.960	
3.1	Xây dựng mới NVH thôn Vĩnh Thạnh 1	830		450	83	297	Đã triển khai xây dựng 30%
3.2	Xây dựng mới trên nền hiện có NVH thôn Hạnh Quang	670		285	67	318	Đã hoàn thành 90%
3.3	Xây dựng nhà văn hóa xã	4.200		1.735	420	2.045	Phòng KT&HT đã thẩm định xong, hiện đang trình UBND huyện phê duyệt BCKTKT.
3.4	Xây dựng khu thể thao thôn Vĩnh Huy	150		75	15	60	Đang lập hồ sơ trình phòng KT&HT huyện thẩm định
3.5	Xây dựng khu thể thao thôn Phú Mỹ 1	150		75	15	60	
3.6	Xây dựng khu thể thao thôn Phú Mỹ 2	150		75	15	60	
3.7	Xây dựng khu thể thao thôn Đại Tín	150		75	15	60	
3.8	Xây dựng khu thể thao thôn Trung Thành	150		75	15	60	
4	Tiêu chí 17 - Môi trường	300				300	
4.1	Quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã Phước Lộc	300				300	Đã thuê đơn vị tư vấn tiến hành lập quy hoạch, dự kiến giữa tháng 7 sẽ thông qua UBND xã

IV. Tiến độ thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng của 05 xã còn lại

1. Xã Phước Hòa:

- Đến nay xã Phước Hòa đã đạt 14/19 tiêu chí là: Tiêu chí 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 2 - Giao thông; Tiêu chí 4 - Điện; Tiêu chí 8 - Bưu điện; Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí 10 - Thu nhập; Tiêu chí 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 12 - Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên; Tiêu chí 13 - Hình thức tổ chức sản xuất; Tiêu chí 14 - Giáo dục; Tiêu chí 15 - Y tế; Tiêu chí 16 - Văn hóa; Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị; Tiêu chí 19 - An ninh trật tự xã hội.

- Còn lại 05 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 3 - Thủy lợi; Tiêu chí 5 - Trường học; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 7 - Chợ; Tiêu chí 17 - Môi trường. Trong năm 2016 xã Phước Hòa lồng ghép các nguồn vốn từ TW + Tỉnh để phấn đấu đạt 02 tiêu chí là Tiêu chí 3 - Thủy lợi và Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa, cụ thể như sau :

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tổng vốn	Quy mô (km)	KH thực hiện năm 2016			Tiến độ thực hiện đến ngày 27/6/2016
				Vốn trực tiếp cho chương trình			
				TW + Tỉnh	Huyện	Xã	
		3.773		855	352,3	2.565,7	
1	Tiêu chí 3 - Thủy lợi	500		100	25	375	
1.1	KCHKM tuyến từ sân kho Tú Hoàn đến mương Hàng ngang	500	0,8	100	25	375	Chưa tiến hành thi công do chưa có Quyết định phê duyệt danh mục của UBND tỉnh.
2	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa	3.273		755	327,3	2.190,7	
2.1	Xây dựng, sửa chữa nhà NVH thôn Hữu Thành	700		355	70	275	Chưa tiến hành thi công do chưa có Quyết định phê duyệt danh mục của UBND tỉnh.
2.2	Xây dựng tường rào công ngõ UBND xã	2.573		400	257,3	1.915,7	Đã triển khai xây dựng 30%

2. Xã Phước Hiệp:

- Đến nay xã Phước Hiệp đã đạt 15/19 tiêu chí là: Tiêu chí 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 4 - Điện; Tiêu chí 5 - Trường học; Tiêu chí 7 - Chợ; Tiêu chí 8 - Bưu điện; Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí 10 - Thu nhập; Tiêu chí 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 12 - Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên; Tiêu chí 13 - Hình thức tổ chức sản xuất; Tiêu chí 14 - Giáo dục; Tiêu chí 15 - Y tế; Tiêu chí 16 - Văn hóa; Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị; Tiêu chí 19 - An ninh trật tự xã hội.

- Còn lại 04 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 2 - Giao thông; Tiêu chí 3 - Thủy lợi; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 17 - Môi trường. Trong năm 2016 xã Phước Hiệp lồng ghép các nguồn vốn từ TW + Tỉnh để phấn đấu đạt 02 tiêu chí là Tiêu chí 3 - Thủy lợi và Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa, cụ thể như sau :

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tổng vốn	Quy mô (km)	KH thực hiện năm 2016			Tiến độ thực hiện đến ngày 27/6/2016
				Vốn trực tiếp cho chương trình			
				TW + Tỉnh	Huyện	Xã	
		1.412		750	95,2	606,8	
1	Tiêu chí 2 - Giao thông	740	0,84	477	24	239	
1.1	BTXM từ trạm điện đến ngã Gò Bún	240	0,34	77	24	139	Đang trình Phòng KT&HT thẩm tra, khi thẩm tra xong sẽ tiến hành thi công.
1.2	BTXM trước trụ sở xã, đoạn nhà Ca đến nhà Nhung	500	0,5	400		100	Đã hoàn thành 100%.
2	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa	712		273	71,2	367,8	
2.1	Xây dựng tường rào cổng ngõ các nhà văn hóa thôn	712		273	71,2	367,8	Chưa tiến hành thi công do chưa có Quyết định phê duyệt danh mục của UBND tỉnh.

3. Xã Phước Quang:

- Đến nay xã Phước Quang đã đạt 13/19 tiêu chí là: Tiêu chí 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 4 - Điện; Tiêu chí 7 - Chợ; Tiêu chí 8 - Bưu điện; Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí 10 - Thu nhập; Tiêu chí 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 12 - Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên; Tiêu chí 13 - Hình thức tổ chức sản xuất; Tiêu chí 14 - Giáo dục; Tiêu chí 15 - Y tế; Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị; Tiêu chí 19 - An ninh trật tự xã hội.

- Còn lại 06 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 2 - Giao thông; Tiêu chí 3 - Thủy lợi; Tiêu chí 5 - Trường học; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 16 - Văn hóa; Tiêu chí 17 - Môi trường. Trong năm 2016 xã Phước Quang lồng ghép các nguồn vốn từ TW + Tỉnh để phấn đấu đạt 02 tiêu chí là Tiêu chí 3 - Thủy lợi và Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa, cụ thể như sau :

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tổng vốn	Quy mô (km)	KH thực hiện năm 2016			Tiến độ thực hiện đến ngày 27/6/2016
				Vốn trực tiếp cho chương trình			
				TW + Tỉnh	Huyện	Xã	
		3.431		1.230	274,9	1.916,1	
1	Tiêu chí 3 - Thủy lợi	2.749	0,84	753	274,9	1.721,1	
1.1	KCHKM tuyến từ nhà Lê Đình Ba đến cống qua đường sau nhà Mạn Đức Hồng	754	0,5	170	75,4	508,6	Đã hoàn thành 100%.
1.2	KCHKM tuyến từ cống qua đường trước nhà ông Mạn Đức Thừa xuống giáp đường BTXM vào đội 9	730	1	113	73	544	Đã hoàn thành 100%.

1.3	KCHKM tuyển từ ngã hai Từ Văn Quang xuống giáp bờ Bùn đất sét đội 17 Luật Bình (Đoạn tiếp theo)	1.265	0,745	470	126,5	668,5	Đã hoàn thành 100%.
2	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa	682		487		195	
2.1	Nhà văn hóa thôn Luật Bình	682		487		195	Đã hoàn thành 100%.

4. Xã Phước Thuận:

- Đến nay xã Phước Thuận đã đạt 14/19 tiêu chí là: Tiêu chí 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 4 - Điện; Tiêu chí 5 - Trường học; Tiêu chí 7 - Chợ; Tiêu chí 8 - Bưu điện; Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 12 - Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên; Tiêu chí 13 - Hình thức tổ chức sản xuất; Tiêu chí 14 - Giáo dục; Tiêu chí 15 - Y tế; Tiêu chí 16 - Văn hóa; Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị; Tiêu chí 19 - An ninh trật tự xã hội.

- Còn lại 05 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 2 - Giao thông; Tiêu chí 3 - Thủy lợi; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 10 - Thu nhập; Tiêu chí 17 - Môi trường. Trong năm 2016 xã Phước Thuận lồng ghép các nguồn vốn từ TW + Tỉnh để phấn đấu đạt 02 tiêu chí là Tiêu chí 2 - Giao thông và Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa, cụ thể như sau :

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tổng vốn	Quy mô (km)	KH thực hiện năm 2016			Tiến độ thực hiện đến ngày 27/6/2016
				Vốn trực tiếp cho chương trình			
				TW + Tỉnh	Huyện	Xã	
		4.599		752	335,4	2.266,6	
1	Tiêu chí 2 - Giao thông	2.009	2,4	400	200,9	1.408,1	
1.1	BTXM xóm Đông, thôn Liêm Thuận. Đoạn từ ngã ba ĐT 640 - xóm Đông	564	0,72	130	56,4	377,6	Đã hoàn thành 100%.
1.2	BTXM thôn Bình Thái. Đoạn từ công chào văn hóa thôn - giáp BTXM hiện có	215	0,28	60	21,5	133,5	Đã hoàn thành 100%.
1.3	BTXM thôn Diêm Vân. Đoạn từ cầu Trắng - nhà ông Lộc Dân; Đoạn từ trụ sở thôn đến nhà ông Hợp	1.125	1,2	180	112,5	832,5	Đã triển khai xây dựng 40%.
1.4	BTXM thôn Phổ Trạch. Tuyến từ ngã ba ĐT 640 đến nhà ông Chín	105	0,2	30	10,5	64,5	Đã triển khai xây dựng 40%.
2	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa	2.590		352	134,5	858,5	
2.1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Nhân Ân	575		175	57,5	342,5	Chưa tiến hành thi công do chưa có Quyết định phê duyệt danh mục của UBND tỉnh.
2.2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quảng Vân	550		100	55	395	
2.3	Nâng cấp, san nền khu thể thao thôn Tân Thuận	120		45	12	63	
2.4	Nâng cấp, san nền khu thể thao thôn Diêm Vân	100		32	10	58	

5. Xã Phước Thắng:

- Đến nay xã Phước Thắng đã đạt 13/19 tiêu chí là: Tiêu chí 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 4 - Điện; Tiêu chí 7 - Chợ; Tiêu chí 8 - Bưu điện; Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 12 - Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên; Tiêu chí 13 - Hình thức tổ chức sản xuất; Tiêu chí 14 - Giáo dục; Tiêu chí 15 - Y tế; Tiêu chí 16 - Văn hóa; Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị; Tiêu chí 19 - An ninh trật tự xã hội.

- Còn lại 06 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 2 - Giao thông; Tiêu chí 3 - Thủy lợi; Tiêu chí 5 - Trường học; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 10 - Thu nhập; Tiêu chí 17 - Môi trường. Trong năm 2016 xã Phước Thắng lồng ghép các nguồn vốn từ TW + Tỉnh để phấn đấu đạt Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa, cụ thể như sau :

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tổng vốn	Quy mô (km)	KH thực hiện năm 2016			Tiến độ thực hiện đến ngày 27/6/2016
				Vốn trực tiếp cho chương trình			
				TW + Tỉnh	Huyện	Xã	
1	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa	2.224		753	222,4	1.249,6	
1.1	Nhà văn hóa thôn Lương Bình	777		227	77,7	472,3	Đang thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế.
1.2	Nhà văn hóa thôn Tư Cung	700		325	70	305	Đang thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế.
1.3	Nhà văn hóa thôn Đông Điền	747		200	74,7	472,3	Đã hoàn thành 100%.

V. Tiến độ thực hiện công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân của 07 xã trong năm 2016

Trên cơ sở phân bổ nguồn vốn sự nghiệp để hỗ trợ các mô hình phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân của UBND tỉnh tại Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 23/2/2016, trong đó: xã Phước Lộc, Phước Sơn, Phước Quang, Phước Hòa hỗ trợ 91 triệu đồng/xã; xã Phước Hiệp, Phước Thắng, Phước Thuận hỗ trợ 71 triệu đồng/xã.

Sau đó UBND tỉnh đã có quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2016 tại Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 23/6/2016, trong đó xã Phước Lộc, Phước Sơn, Phước Quang, Phước Hòa hỗ trợ 73 triệu đồng/xã; xã Phước Hiệp, Phước Thắng, Phước Thuận hỗ trợ 56 triệu đồng/xã. Do đó các xã phải điều chỉnh lại đề án và giảm bớt số hộ trong diện được hỗ trợ, đến nay chưa xã nào trình Đề án phát triển sản xuất để UBND huyện phê duyệt.

B. Nhận xét, đánh giá:

I. Những mặt đạt được

- Công tác chỉ đạo, tổ chức và hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG XD NTM được tăng cường, tạo sự thống nhất trong tổ chức và hành động từ huyện đến xã. Ban chỉ đạo XD NTM huyện đã tham mưu cho Huyện Ủy, UBND huyện ban hành Chương

trình hành động, Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Công tác tuyên truyền, vận động đã được quan tâm đầu tư, công tác phối hợp thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giữa BCD XD NTM huyện với các đoàn thể huyện được phát huy và đạt được một số kết quả thiết thực.

- Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, qua đó kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế ở cấp xã để chấn chỉnh, hướng dẫn khắc phục.

- Khi thể hăng hái, sôi nổi và sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, sự quyết tâm cao của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đã tích cực tham gia thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đặc biệt ở 02 xã Phước Lộc, Phước Sơn để sớm hoàn thành xã nông thôn mới trong năm 2016.

II. Những mặt hạn chế

- Nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện các tiêu chí theo kế hoạch đề ra còn lớn, nhưng nguồn vốn phân bổ của tỉnh và TW còn thấp. Bên cạnh đó việc phê duyệt danh mục đầu tư của UBND tỉnh còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đã đề ra.

- Hiện nay một số xã chưa bố trí cán bộ kiêm nhiệm công tác xây dựng nông thôn mới, nên khó khăn trong việc thu nhập số liệu báo cáo, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cấp trên. (Ví dụ: xã Phước Hòa)

C. Phương hướng nhiệm vụ, 6 tháng cuối năm 2016

I. Đối với 02 xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2016:

1. Xã Phước Sơn:

- Trong 06 tháng cuối năm 2016 cần tiếp tục phấn đấu hoàn thành 05 tiêu chí còn lại chậm nhất đến cuối tháng 9, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể từng tiêu chí như sau:

+ Tiêu chí 2 - Giao thông: Hiện nay do đang trong mùa vụ sản xuất gây ngập úng gây khó khăn cho công tác nâng đường đổ bê tông, do vậy sau khi mùa vụ kết thúc cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện để đảm bảo đạt tiêu chí theo quy định.

+ Tiêu chí 3 - Thủy lợi: Đến nay đã đạt 75% khối lượng công trình, dự kiến đến cuối tháng 7 sẽ hoàn thành tiêu chí.

+ Tiêu chí 5 - Trường học: Đến nay đã đạt 75% khối lượng công trình, dự kiến đến cuối tháng 7 sẽ hoàn thành tiêu chí.

+ Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Cần đẩy nhanh tiến độ đối với nhà văn hóa xã vì đây là hạng mục lớn cần nhiều thời gian, do đó chậm nhất đến cuối tháng 9 phải hoàn thành. Đối với các nhà văn hóa thôn hiện nay đã tiến hành tháo dỡ và xây dựng được 30% khối lượng công trình dự kiến đến cuối tháng 7 sẽ hoàn thành.

+ Tiêu chí 17 - Môi trường: Đôn đốc đơn vị tư vấn sớm hoàn chỉnh điều chỉnh quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã, trình UBND huyện phê duyệt điều chỉnh, bổ sung. Sau đó ban hành quy chế hoạt động của nghĩa trang nhân dân xã theo quy định.

- Bên cạnh đó sớm hoàn chỉnh các thủ tục, hồ sơ để đề nghị UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn trong tháng 9.

2. Xã Phước Lộc:

- Trong 04 tiêu chí chưa đạt, đến nay xã Phước Lộc đã cơ bản hoàn thành 02 tiêu chí là Tiêu chí 2 - Thủy lợi và Tiêu chí 5 - Trường học, từ nay đến cuối tháng 9 sẽ hoàn thành 02 tiêu chí còn lại để đạt xã nông thôn mới, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể của 02 tiêu chí còn lại như sau:

+ Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Cần đẩy nhanh tiến độ hơn nữa đối với nhà văn hóa xã và khu thể thao thôn. Sau khi UBND huyện đã phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với nhà văn hóa xã và phòng KT&HT thẩm định xong khu thể thao thôn, cần tập trung mọi nguồn lực, nhân lực để sớm hoàn thành tiêu chí theo quy định, chậm nhất đến cuối tháng 9.

+ Tiêu chí 17 - Môi trường: Đơn đốc đơn vị tư vấn sớm hoàn chỉnh điều chỉnh quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã, trình UBND huyện phê duyệt điều chỉnh, bổ sung. Sau đó ban hành quy chế hoạt động của nghĩa trang nhân dân xã theo quy định.

- Bên cạnh đó sớm hoàn chỉnh các thủ tục, hồ sơ để đề nghị UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn trong tháng 9.

II. Đối với các xã còn lại:

1. Xã Phước Hòa:

- Tiêu chí 3 - Thủy lợi: Sau khi UBND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư xã sẽ tiến hành thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế, giao cho đơn vị thi công triển khai thực hiện.

- Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Đối với nhà văn hóa thôn Hữu Thành sau khi UBND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư xã sẽ tiến hành thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế, giao cho đơn vị thi công triển khai thực hiện. Còn hạng mục tường rào cổng ngõ xã dự kiến đến cuối tháng 7 sẽ hoàn thành.

2. Xã Phước Hiệp:

- Tiêu chí 2 - Giao thông: Năm 2016 xã Phước Hiệp đăng ký bê tông xi măng 1 tuyến là từ trạm điện đến ngã Gò Bún, hiện nay đang trình phòng KT&HT thẩm định sau khi thẩm định xong sẽ tiến hành thi công. Tuyến còn lại là công trình trả nợ trong năm 2015 nên đã hoàn thành xong.

- Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Sau khi UBND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư xã sẽ tiến hành thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế, giao cho đơn vị thi công triển khai thực hiện.

3. Xã Phước Thuận:

- Tiêu chí 2 - Giao thông: Đối với 02 tuyến còn lại đang triển khai thực hiện dự kiến đến cuối tháng 7 sẽ hoàn thành.

- Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Sau khi UBND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư xã sẽ tiến hành thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế, giao cho đơn vị thi công triển khai thực hiện.

4. Xã Phước Thắng:

- Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Đối với 02 nhà văn hóa thôn Lương Bình, Tư Cung cần triển khai thực hiện ngay sau khi đơn vị tư vấn đã lập hồ sơ thiết kế, để kịp giải ngân nguồn vốn theo đúng tiến độ.

Trên đây là báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đến tháng 6 đầu năm và kế hoạch đến 6 tháng cuối năm trên địa bàn huyện Tuy Phước, Ban chỉ đạo XD NTM huyện kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Huyện Ủy (B/c);
- UBND huyện (B/c);
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Trưởng phòng NN & PTNT huyện
Phan Văn Khiêm**